

A. PHẦN THỨ NHẤT: ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Lý do chọn đề tài:

Tiểu học là bậc học đầu tiên được xem là nền tảng của Giáo dục và Đào tạo, là cơ sở ban đầu để hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất cần có của con người Việt Nam. Trong cấp tiểu học thì các lớp đầu cấp (lớp 1,2) lại càng được coi trọng vì đây là thời kỳ các em bắt đầu làm quen với một hệ thống các tri thức mới của rất nhiều các môn học đồng thời cũng hình thành cho các em một số năng lực như: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, ...

Năng lực giao tiếp là một trong những năng lực quan trọng của con người trong xã hội hiện nay. Không chỉ là cầu nối gắn kết mối quan hệ với mọi người mà năng lực giao tiếp còn là chìa khoá dẫn lối thành công trong mọi lĩnh vực. Giao tiếp tốt sẽ giúp chúng ta đạt được thành công trong công việc cũng như trong cuộc sống.

Để đạt được những mục tiêu trên, môn Tiếng Việt đã đóng một vai trò rất quan trọng. Khi học môn Tiếng Việt giúp cho các em hình thành và phát triển các kĩ năng (đọc, viết, nói và nghe) để học tập tốt các môn học khác và tham gia giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi đồng thời rèn luyện các thao tác tư duy. Thông qua môn Tiếng Việt, học sinh sẽ được học cách giao tiếp, truyền đạt tư tưởng, cảm xúc của mình một cách chính xác, phù hợp trong mối quan hệ với người thân, cộng đồng, môi trường tự nhiên, biết sống tích cực, yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp. Dạy môn Tiếng Việt không có nghĩa là chỉ dạy các em kĩ năng đọc, viết, nghe mà dạy các em biết sử dụng những lời nói biểu cảm trong giao tiếp, hợp tác hằng ngày.

Trong những năm qua bên cạnh những học sinh mạnh dạn trong giao tiếp với bạn bè, với mọi người xung quanh thì vẫn còn không ít học sinh chưa biết giao tiếp theo những quy tắc tối thiểu trong gia đình, nhà trường và xã hội. Nhiều học sinh thiếu tự tin trong giao tiếp; lúng túng trước thầy cô, bạn bè. Nhiều em vốn từ còn hạn chế, chưa biết nói một câu trọn vẹn, đủ ý. Chính vì điều đó mà tôi muốn hướng tới mục đích là giáo dục các em trở thành con người mạnh dạn, tự tin, làm chủ trong giao tiếp với mọi người xung quanh, giúp các em đạt được những điều mình mong muốn nên tôi đã chọn đề tài ***“Một số biện pháp phát triển năng lực giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 2”*** bộ sách giáo khoa Kết nối Tri thức với Cuộc sống tại Trường Tiểu học Vân Hòa làm sáng kiến kinh nghiệm của mình trong năm học 2023 – 2024 để góp phần nâng

cao chất lượng giáo dục, phát triển năng lực cần thiết để tự phục vụ bản thân và những người xung quanh.

II. Mục tiêu nghiên cứu :

Trên cơ sở nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp 2, tôi tìm tòi và áp dụng một số biện pháp giúp học sinh tích cực, chủ động học tập môn Tiếng Việt từ đó nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Việt.

III. Khách thể và Đối tượng nghiên cứu :

- Khách thể nghiên cứu: Các hoạt động giáo dục trong công tác giảng dạy lớp 2
- Đối tượng nghiên cứu: Học sinh lớp 2A1, Trường Tiểu học Vân Hòa.

IV. Phương pháp nghiên cứu :

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Suru tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc sách báo, tìm tư liệu...
- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:
 - + Điều tra: Phỏng vấn, hỏi đáp,...
 - + Quan sát, so sánh...
 - Phương pháp thống kê, phương pháp thử nghiệm, kể chuyện, đóng vai, hỏi đáp...

V. Phạm vi – Giới hạn nghiên cứu :

- Học sinh lớp 2A1 tại Trường Tiểu học Vân Hòa. Năm học 2023 - 2024.

B. PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG

I. Cơ sở lý luận:

Kỹ năng giao tiếp là kỹ năng rất cần thiết để đem lại sự thành công cho học sinh cũng như các hoạt động giao tiếp xã hội. Ở vùng miền núi do hạn chế về điều kiện địa lý, kinh tế vùng miền, môi trường giao tiếp hẹp, nên giao tiếp của các em còn một số hạn chế như: còn nhút nhát, tự ti và lúng túng khi đứng trước đám đông, chưa có kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm, chưa có kỹ năng thích ứng, kỹ năng giải quyết vấn đề còn nghèo nàn. Chính vì vậy, giáo dục và phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh là yêu cầu cần thiết và khách quan nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. Thực trạng của việc dạy và học năng lực giao tiếp môn Tiếng Việt ở Trường Tiểu học Vân Hòa.

Tôi được nhà trường phân công chủ nhiệm và dạy lớp 2A1 với 35 học sinh trong đó có 16 học sinh nữ. Trong quá trình chủ nhiệm và giảng dạy tôi đã gặp không ít những thuận lợi và khó khăn như sau:

1. Ưu điểm:

*** Đối với Giáo viên:**

Bản thân tôi là một giáo viên nhiều nhiệt huyết trong công tác giảng dạy luôn, tích cực học tập nâng cao chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy. Là giáo viên có kỹ năng giao tiếp tương đối tốt, tôi đã hiểu tầm quan trọng và chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho các em. Bên cạnh đó tôi luôn nhận được sự quan tâm của Ban giám hiệu, Công đoàn cùng sự giúp đỡ của các đồng nghiệp trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

Trong công tác giảng dạy cũng như chủ nhiệm lớp, tôi luôn gần gũi, trò chuyện giúp học sinh tự tin, mạnh dạn hơn trong giao tiếp.

*** Đối với học sinh:**

Một số học sinh tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp, nói to, rõ ràng.

Môi trường giao tiếp của các em tương đối rộng và thông qua nhiều hoạt động học tập và vui chơi.

*** Đối với phụ huynh:**

Đa số phụ huynh trong lớp quan tâm đến việc học tập của con em mình. Hầu hết phụ huynh đều có phương tiện nghe gọi nên giáo viên liên lạc thường xuyên trao đổi với phụ huynh về việc học tập của con.

2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế:

*** Đối với Giáo viên:**

Đôi khi chưa tạo được môi trường phong phú để rèn kỹ năng giao tiếp cho học sinh.

*** Đối với học sinh:**

Nhiều học sinh nói nhỏ, còn rụt rè, nhút nhát, chưa tự tin khi giao tiếp. Các em nói chưa đủ ý, chưa hết câu, diễn đạt lủng củng.

Kỹ năng nghe để thu thập thông tin, kỹ năng diễn đạt lời nói, thuyết trình còn nhiều hạn chế.

Khi giao tiếp với thầy cô, bạn bè các em chưa biết kết hợp lời nói với nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt nên hiệu quả giao tiếp chưa cao.

Khi ở nhà các em thường chăm chú xem tivi, điện thoại... dẫn đến các em ngại tiếp xúc, giao tiếp với mọi người xung quanh.

*** Đối với phụ huynh:**

Một số phụ huynh chỉ chú trọng đến việc học kiến thức, xem nhẹ việc rèn kỹ năng giao tiếp cho học sinh, phó mặc hoàn toàn việc dạy dỗ con em cho nhà trường.

Phụ huynh mãi lo việc mưu sinh kiếm sống ít quan tâm đến việc giao tiếp, trò chuyện hằng ngày với con.

Một số gia đình hay cãi cọ, có hành động, nói năng khiếm nhã, ... làm ảnh hưởng không nhỏ đến thói quen giao tiếp của trẻ.

3. Khảo sát

Sau một tuần đầu làm quen, trò chuyện tôi tiến hành khảo sát năng lực giao tiếp của học sinh trong lớp, thu được kết quả như sau:

Tổng số học sinh	Học sinh nói mạch lạc, diễn đạt tốt		Học sinh nói đủ ý		Học sinh nói chưa đủ ý		Học sinh còn nhút nhát, ít phát biểu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
35	7	20%	9	25,7%	8	22,9%	11	31,4%

Qua kết quả khảo sát, tôi thấy việc phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh là một việc làm hết sức cần thiết.

III. Một số biện pháp phát triển năng lực giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 2.

Trong các chủ đề môn Tiếng Việt đều có các dạng bài giống nhau: đọc, viết, nói và nghe. Trong các hoạt động đó đều hướng tới mục đích phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh. Để phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh trong môn Tiếng Việt đạt hiệu quả tôi thực hiện 4 biện pháp:

Biện pháp 1: Phát triển năng lực giao tiếp qua khởi động đầu giờ tạo sự tập trung và chú ý cho học sinh.

Biện pháp 2: Phát triển năng lực giao tiếp trong các tiết đọc.

Biện pháp 3: Phát triển năng lực giao tiếp trong các tiết nói và nghe.

Biện pháp 4: Phát triển năng lực giao tiếp qua sử dụng từ ngữ trong đặt câu và viết đoạn văn.

Với từng biện pháp tôi đã thực hiện như sau:

Biện pháp 1: Phát triển năng lực giao tiếp qua khởi động đầu giờ tạo sự tập trung và chú ý cho học sinh.

Bắt đầu tiết học bằng một hoạt động khởi động, điều này tạo ra sự khác biệt trong cách học sinh duy trì hoạt động trong lớp học. Khi khởi động, giáo viên có thể đưa vào các hoạt động thể chất hoặc các trò chơi học tập thúc đẩy cạnh tranh và hợp tác nhiều hơn cũng như tránh được thời gian chết. Thay vì các hoạt động cá nhân, sẽ tốt hơn nếu người giáo viên có thể lôi cuốn được tất cả học sinh tham gia. Tùy theo nội dung bài, phần khởi động có thể là một bài hát liên quan đến nội dung bài học kết hợp với sự vận động của học sinh, hoặc khai thác một bức tranh liên quan nội dung bài, hoặc trò chơi vừa kết hợp kiểm tra kiến thức bài cũ.

Ví dụ 1: Trò chơi “**Xe buýt yêu thương**” trong bài Em có xinh không? Tiếng Việt 2/ tập 1 – trang 24.

Cách chơi: Mỗi câu hỏi có bốn đáp án trong đó có một đáp án đúng. Học sinh chọn đáp án bằng cách giơ thẻ chọn đáp án tương ứng với câu trả lời đúng. Những bạn chọn đáp án đúng lên chuyển xe bus yêu thương, những bạn chưa chọn được đáp án đúng đợi chuyển xe sau.

Đây là một câu hỏi trong số câu hỏi trong bài.



Ví dụ 2: Trò chơi “**Rung chuông vàng**” ôn tập giữa học kì I tiết 7+8 Tiếng Việt 2/ tập 1 – trang 75.

Cách chơi: GV đưa ra các câu hỏi mỗi câu hỏi có nhiều đáp án. HS ghi đáp án đúng ra bảng con. HS chọn đáp án đúng sẽ được chơi tiếp, những bạn chưa chọn được đáp án đúng sẽ dừng lại.



Qua hoạt động khiến học sinh cảm giác như đang chơi một trò chơi hoặc được khám phá những điều thú vị, tạo hứng thú để chuẩn bị tâm thế tiếp thu bài

mới. Điều này giúp giữ cho học sinh tập trung trong suốt bài học và tăng cường sự chú ý của học sinh. Tạo không khí lớp học thoải mái để ngay cả những học sinh nhút nhát cũng có thể thể hiện bản thân và đọc, viết, trình bày ý kiến của mình.

Khi tổ chức hoạt động học cho HS, để tăng tính tích cực chủ động, tạo hứng thú cho học sinh, thay vì chỉ cho học sinh thi đua khi tổ chức trò chơi, tôi đã cho HS thi đua về mọi mặt (ý thức tự quản, tốc độ hoàn thành bài...) trong cả tiết học Tiếng Việt bằng cách thưởng hoa cho mỗi tổ và gắn vào “*Góc thi đua*” của lớp. Cuối mỗi tiết sẽ tổng kết số hoa của mỗi tổ. Việc làm này tạo ra sự hứng thú rất lớn cho HS giúp cho tiết Tiếng Việt không bị nhàm chán.

Biện pháp 2: Phát triển năng lực giao tiếp trong các tiết đọc.

Ở các tiết đọc rèn năng lực giao tiếp cho học sinh qua các hoạt động thi đọc, trả lời câu hỏi, luyện tập theo văn bản, đọc mở rộng.

+ Hoạt động thi đọc: rèn học sinh kỹ năng thể hiện cảm xúc của mình qua nét mặt, cử chỉ.

Ví dụ 2: Khi học bài “*Cô giáo lớp em*” Tiếng Việt 2/ tập 1- trang 40. Tôi tổ chức cho 3 tổ thi đọc. Trước khi thi, tôi đưa ra các tiêu chí đánh giá (đọc to, rõ ràng, diễn cảm, kết hợp được cả cử chỉ, nét mặt khi đọc lời của cô ở khổ 2, giọng đọc nhẹ nhàng, tình cảm khi đọc khổ cuối). Qua hoạt động đó rèn các em kỹ năng giao tiếp tự tin, mạnh dạn trước đám đông.



Giáo viên đưa ra các tiêu chí thi đọc.



Đại diện 3 tổ thi đọc trước lớp.

+ Hoạt động trả lời câu hỏi: Trước đây, khi cô hỏi học sinh thường có thói quen trả lời ngắn gọn, không đủ ý. Bây giờ để phát triển giao tiếp cho học sinh tôi rèn các em biết thưa gửi khi trả lời, trả lời đầy đủ cả câu, đủ ý.

Ví dụ 1: Khi học bài “*Làm việc thật là vui*” Tiếng Việt 2/ tập 1- trang 20.

Giáo viên hỏi: “Kể tên những việc bạn nhỏ trong bài đã làm”. Em Thảo trả lời: “Làm bài, đi học, quét nhà, nhặt rau, chơi với em”. Những lúc như thế tôi sẽ giải thích cho em hiểu em cần phải lặp lại ý của câu hỏi và trả lời cho trọn

vẹn câu thì người nghe mới hiểu rõ hơn. Tôi sửa câu trả lời cho học sinh: “Con thưa cô! những việc bạn nhỏ trong bài đã làm là làm bài, đi học, quét nhà, nhặt rau, chơi với em.”

Ví dụ 2: Khi học bài “*Tôi là học sinh lớp 2*” Tiếng Việt 2/tập 1- trang 11. Trong phần luyện tập theo văn bản đọc, học sinh thực hiện các yêu cầu:

- a) Nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đến trường.
- b) Nói lời chào thầy, cô giáo khi đến lớp.
- c) Cùng bạn nói và đáp lời chào khi gặp nhau ở trường.

Theo thói quen một số em nói không có thưa gửi, lễ phép. Các em thường trả lời: Con đi học/ Chào thầy/ Chào cô/ Chào bạn.

Trước khi học sinh thực hiện yêu cầu tôi hướng dẫn các em xác định được đối tượng giao tiếp để có cách xưng hô, nói năng phù hợp, đúng mực. Khi nói với mẹ, thầy cô là sự giao tiếp với người lớn cần sử dụng ngôn ngữ lễ phép, thái độ kính trọng, thưa gửi khi nói:

- a) Con chào mẹ con đi học ạ!
- b) Con chào thầy (cô) ạ!
- c) Tớ chào bạn nhé!

Ví dụ 3: Bài “*Nhím nâu kết bạn*” Tiếng Việt 2/tập 1 - trang 89 ở phần trả lời theo văn bản đọc yêu cầu: “Đóng vai Bình và An để nói và đáp lời xin lỗi trong tình huống: Bình vô tình va vào An, làm An ngã.”

Lúc đầu học sinh lớp tôi chỉ biết nói và đáp lời xin lỗi bạn đơn giản:

- Xin lỗi tớ làm bạn ngã!
- Không sao đâu!



Khi đó tôi uốn nắn, hướng dẫn các em khi đưa ra lời xin lỗi phải thể hiện thái độ hối lỗi của mình đối với bạn, người đáp lại lời xin lỗi cũng phải có thái

độ bao dung, tha thứ. Sử dụng thêm vốn ngôn ngữ, cử chỉ để lời hội thoại hay hơn.

- An ơi, tớ vô ý đã va vào bạn làm bạn bị ngã. Bạn có đau không?
- Tớ không bị đau, chỉ ngã nhẹ thôi mà.
- Tớ xin lỗi bạn nhé, lần sau tớ chú ý hơn!
- Tớ không sao. Lần sau bạn nhớ đi cẩn thận hơn nhé!

Qua hoạt động này giúp học sinh biết trả lời câu hỏi đủ câu, đủ ý; biết nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp với từng đối tượng giao tiếp, nói rõ ràng, mạnh dạn, tự tin. Các học sinh còn rụt rè, ít phát biểu trong lớp sẽ có cơ hội nói hoặc xây dựng bài trong môi trường giao tiếp phù hợp.

Từ đó giúp các em vận dụng linh hoạt vào tình huống thực tế trong cuộc sống, giúp tăng hiệu quả giao tiếp.

Ví dụ: Khi học bài **Độc mở rộng** Tiếng Việt 2/ tập 1- trang 54.

- + Hoạt động đọc mở rộng: Học sinh biết chia sẻ cảm nghĩ sau khi đọc văn bản đó, nêu hiểu biết về văn bản đã tìm hiểu.
- Giới thiệu tên câu chuyện, bài thơ.
- Tìm được câu chuyện, bài thơ gì, trong cuốn sách nào, của tác giả nào?
- Học sinh đọc văn bản.

Bài tập1: Với yêu cầu “*Tìm đọc bài thơ, câu chuyện, bài báo viết về thầy cô.*” Em Linh tìm đọc và chia sẻ câu chuyện “**Người mẹ hiền**” của tác giả Nguyễn Văn Thịnh. Câu chuyện cho thấy “Cô giáo vừa yêu thương trìu mến, vừa nghiêm khắc dạy bảo học sinh nên người. Cô như người mẹ hiền của các em.” Sau đó em Linh đọc câu chuyện trước lớp để các bạn cùng nghe

Khi học sinh chia sẻ, đọc câu chuyện trước lớp tôi luôn theo dõi, chỉnh sửa, uốn nắn cho các em.

Ví dụ 5: Khi học bài “*Bóp nát quả cam*” Tiếng Việt 2 / tập 2 - trang 100 tích hợp giáo dục địa phương chủ đề 3: *Danh nhân Hà Nội- Tô Hiến Thành*.

HS thảo luận nhóm và nêu những hiểu biết của mình về Trần Quốc Toản *Danh nhân Hà Nội- Tô Hiến Thành* hông qua bài đọc HS biết là một thiếu niên anh hùng, tuổi trẻ tài cao, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên. Trong tiết học này GV kết nối tích hợp giáo dục địa phương chủ đề 3: *Danh nhân Hà Nội - Tô Hiến Thành*. Ông là một người văn võ song toàn, một vị quan thanh liêm hết lòng vì dân...

Khi dạy tích hợp giáo dục địa phương HS tìm hiểu và tự do chia sẻ những hiểu biết của mình về danh nhân Việt Nam. Qua đó giúp HS hiểu biết thêm về lịch sử và giáo dục lòng tự hào dân tộc.

Tôi thường tạo cơ hội để học sinh thể hiện bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động học tập, không để học sinh chỉ ngồi yên một chỗ và đợi đến khi giáo viên giao nhiệm vụ, khuyến khích học sinh tự thực hiện thêm các nhiệm vụ trong khi cá nhân học sinh đó đã hoàn thành tốt các yêu cầu của giáo viên.



Công lao của danh nhân Tô Hiến Thành đối với đất nước:

Một vị quan thanh liêm, hết lòng giúp vua trị vì đất nước.

Có nhiều công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm.

Giúp dân khai hoang, lấn biển, ổn định cuộc sống.



EM CÓ BIẾT?

Tô Hiến Thành là người văn võ song toàn. Khi là quan võ, Tô Hiến Thành có tài cầm quân đánh giặc, giữ gìn biên cương của đất nước. Khi là quan văn, ông lo chức khai hoang lấn biển các vùng ven biển thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Thanh Hoá và Hà Tĩnh ngày nay. Ông được ban đến chức Thái úy, làm phụ chính giúp vua Lý Cao Tông trị vì đất nước khi vua mới 3 tuổi.



Qua hoạt động này rèn cho học sinh kỹ năng giao tiếp tự tin, mở rộng vốn từ, biết cách chia sẻ thông tin với các bạn và thầy cô.

* **Biện pháp 3: Phát triển năng lực giao tiếp trong các tiết nói và nghe.**

Ở các tiết này học sinh dựa vào các bức tranh, câu hỏi gợi ý trong các câu chuyện, dùng vốn từ của mình để sắp xếp, kể lại câu chuyện theo nội dung từng tranh.

Học sinh liên kết, kết hợp vốn từ kể lại câu chuyện theo từng tranh.

Học sinh ngoài kể đúng nội dung tranh thì phải biết kết hợp ngôn ngữ hình thể, cử chỉ điệu bộ, liên kết các đoạn với nhau.

Ví dụ 1: Khi học tiết Nói và nghe: “*Hoạ mi, vẹt và quạ*” Tiếng Việt 2/ tập 1- trang 65.

Tôi cho học sinh quan sát tranh, dựa vào câu hỏi nói về nội dung từng bức tranh. Với mỗi bức tranh tôi cho học sinh thực hành nói trong nhóm để tất cả học sinh trong lớp được nói và sửa cho nhau. Sau đó các nhóm lên báo cáo bằng nhiều hình thức khác nhau như: kể chuyện, sắm vai...tùy vào năng lực của học sinh để các em thỏa sức sáng tạo phát triển ngôn ngữ mà không bị gò bó trong khung mẫu của cốt truyện. Lúc đầu em Quang chỉ biết kể nội dung đoạn 3 bằng cách trả lời câu hỏi gợi ý “*Ngày nào cũng luyện giọng chán quá quạ liền*

bỏ các bạn bay đi”. Khi đứng trước lớp kể lại câu chuyện, mặt tỏ ra rất căng thẳng, nói không lưu loát.

Khi đó tôi động viên, giải thích cho em hiểu nếu em biết thêm ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ vào thì nội dung em kể sẽ hay, hấp dẫn hơn. Khi kể mắt em nhìn xuống cô và nhìn các bạn thì em sẽ tự tin và thể hiện sự tôn trọng mọi người. Sau khi được động viên, em Quang biết sử dụng vốn từ đã kể lại đoạn 3 của câu chuyện. Em tự tin trước các bạn, nói ngày càng lưu loát hơn. Từ đó về sau, trong giờ kể chuyện hoặc khi giao tiếp với mọi người em ấy đã biết kết hợp với cử chỉ, nụ cười và ánh mắt trong giao tiếp để lại nhiều thiện cảm cho mọi người.



Qua hoạt động này rèn các em kỹ năng giao tiếp, biết lắng nghe ý kiến của bạn. Biết dùng từ nói thành câu đủ ý, sử dụng ngữ liệu, cử chỉ, nét mặt khi nói, học sinh tự tin trong giao tiếp, phát triển vốn ngôn ngữ của bản thân.

Ví dụ 2: Khi dạy bài “Cuốn sách của em” Tiếng Việt 2/tập 1- trang 63- kết hợp học ở thư viện

Ở thư viện, các em tìm cuốn sách mà mình yêu thích tìm hiểu rồi chia sẻ với cả lớp về những nội dung ngoài bìa sách: Tên cuốn sách, tác giả, nhà xuất bản, mục lục của cuốn sách mình tìm hiểu được.



Thông qua tiết học này, giúp các em tìm hiểu thêm kiến thức, kỹ năng giao tiếp trao đổi tương tác với các bạn. Đồng thời mạnh dạn hơn trong giao tiếp.

Ví dụ 3: Khi dạy bài nói - nghe “*Ngôi trường của em*” Tiếng Việt 2/ tập 1- trang 50. Tôi cho học sinh quan sát hình ảnh ngôi trường của em, thảo luận theo nhóm đôi nói những điều em thích về ngôi trường thân yêu của mình. Ngoài những câu hỏi gợi ý trong sách tôi hướng dẫn các em hỏi – đáp thêm những câu khác về ngôi trường của mình như:

Ví dụ:

Hỏi: Bạn thấy ngôi trường của mình như thế nào?

Đáp: Mình thấy trường rất đẹp nhiều nhà tầng, nhiều cây xanh, hoa đẹp.

Hỏi: Bạn thích nhất điều gì ở ngôi trường đó?

Đáp: Ở trường có rất nhiều thầy cô giáo thương yêu học sinh.

Bạn muốn ngôi trường thay đổi gì không?.....

Bạn có yêu ngôi trường của mình không?.....

Bạn có muốn trường mình thay đổi không? Đó là những thay đổi nào?.....

Trong khi HS hỏi - đáp nhau, tôi đã cùng với các HS khác chỉnh sửa, bổ sung các câu hỏi, các câu đáp chưa đủ ý, chưa thành câu. Tuyên dương khen những nhóm có câu hỏi đáp hay.

Qua việc thực hiện hỏi – đáp ở các tiết *nói – nghe* đã rèn cho các em sự tự tin, óc quan sát, trí tưởng tượng và khả năng giao tiếp. Nhờ đó các em phát triển thêm vốn từ ngữ giúp cho việc dùng từ đặt câu tốt hơn.



Với yêu cầu: “*Nói với người thân những điều em muốn trường mình thay đổi*”. Không chỉ ở trên lớp mà học sinh phải biết thể hiện trước người thân. Tôi nhờ phụ huynh quay lại video khi ở nhà để xem năng lực giao tiếp của học sinh. Lúc đầu học sinh nói còn nhỏ, rụt rè. Sau đó các em mạnh dạn trước ống quay, tự tin trò chuyện với người thân trong gia đình về bài học trên lớp, biết vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống hàng ngày.

Biện pháp 4 : Phát triển năng lực giao tiếp qua sử dụng từ ngữ trong đặt câu và viết đoạn văn.

Chương trình sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 2 rất coi trọng việc tìm từ ngữ, đặt câu, viết đoạn văn. Với các tiết học này tôi thường sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để các em tìm ra các từ ngữ. trong khi thảo luận nhóm, các em được tự do nêu ý kiến của mình và lắng nghe ý kiến của các bạn khác qua đó năng lực giao tiếp được phát huy và mở rộng.

Ví dụ: Khi dạy bài: **Viết đoạn văn tả một đồ vật** - Tiếng Việt 2/ tập 2- trang 15.

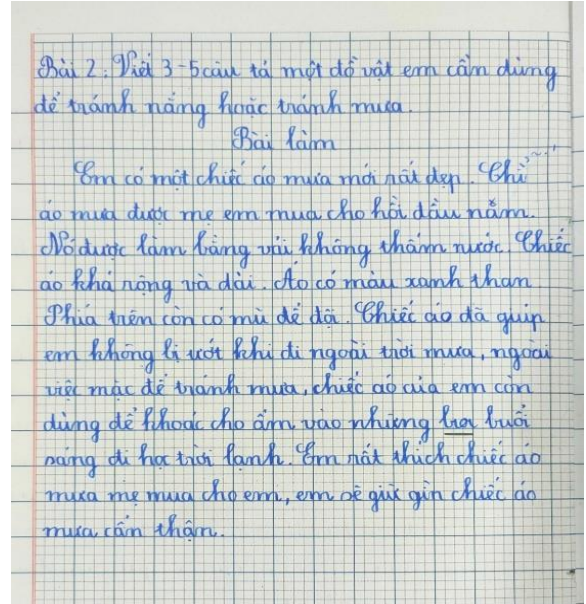
Bài tập 1: Quan sát các hình ảnh dưới đây.

GV cho HS thảo luận nhóm kể tên các đồ vật có trong SGK và nêu được đặc điểm, công dụng của chúng trong đời sống hằng ngày. HS quan sát, chia sẻ những hiểu biết của mình về những đồ vật đó.

Nón có hình chóp được dùng để che mưa, che nắng; mũ được đan bằng len dùng để đội đầu vào mùa lạnh ;...

Áo mưa thường được làm bằng ni lon có khả năng chống nước vô cùng hiệu quả. Bảo vệ cơ thể an toàn trước những hôm thời tiết xấu, mưa lớn ,...

Từ kết quả thảo luận trên HS dễ dàng làm được *bài tập 2: Viết 3-5 câu tả một đồ vật em cần dùng để tránh nắng hoặc tránh mưa.*



Ví dụ 2: Khi dạy bài: **Mở rộng vốn từ giao tiếp, kết nối. Dấu chấm, dấu phẩy** (Tiếng Việt 2/ tập 2- trang 89).

Bài tập1: *Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi bạn nhỏ trong tranh.*

GV cho HS quan sát từng tranh và thảo luận hỏi - đáp theo nhóm bàn về hoạt động của các bạn theo từng tranh

Mẫu: - Bạn nhỏ đang làm gì?

- Bạn nhỏ đang đọc thư.

.....

Thông qua hoạt động này, học sinh được tự nêu ý kiến của mình, mở rộng vốn từ và kỹ năng giao tiếp.

Bài tập 2: *Nói tiếp để hoàn thành câu nêu công dụng của đồ vật.*

Nhờ có điện thoại, em có thể (...).

Nhờ có máy tính, em có thể (...).

Nhờ có ti vi, em có thể (...).

GV cho HS thảo luận nhóm 4 về công dụng của điện thoại, máy tính, ti vi. Sau đó cho HS chia sẻ ý kiến của mình trước lớp...

Mẫu: Nhờ có điện thoại, em có thể nói chuyện với bà nội ở quê.



Bài tập 3: Chọn dấu câu thích hợp cho mỗi ô vuông trong đoạn văn sau.

HS làm bài cá nhân, phiếu bài tập. HS chia sẻ bài của mình, các bạn khác nhận xét (bổ sung). HS nêu tác dụng của dấu phẩy, dấu chấm. GV nhận xét chốt lại.

Qua các tiết học này các em đã được cung cấp thêm một vốn từ nhất định. HS được giao tiếp, chia sẻ ý kiến của mình trước lớp. Từ đó giúp HS tự tin nói trước đám đông kỹ năng giao tiếp được phát triển.

Ví dụ 3: Khi dạy bài: **Từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm; Câu nêu đặc điểm** -Tiếng Việt 2/ tập 1- trang 100.

Bài tập 2: Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết câu vào vở.

- a. rất, mềm mại, chú gấu bông
- b. sắc sỡ, có nhiều màu sắc, đồ chơi lê-gô
- c. xinh xắn, bạn búp bê, và dễ thương

Sau khi học sinh xác định được yêu cầu của bài, Giáo viên cho học sinh thảo luận nhóm đôi.

- Giáo viên cho các nhóm hỏi - đáp lẫn nhau:
- Nhóm bạn sắp xếp các câu đó đã đúng chưa?
- Hình thức trình bày một câu đã chính xác chưa? Vì sao?
- Các câu trên là câu nêu đặc điểm, câu giới thiệu, câu nêu hoạt động?
- Vì sao các câu trên đều là câu nêu đặc điểm? Dựa vào dấu hiệu nào mà nhóm bạn biết được đó là các câu nêu đặc điểm?

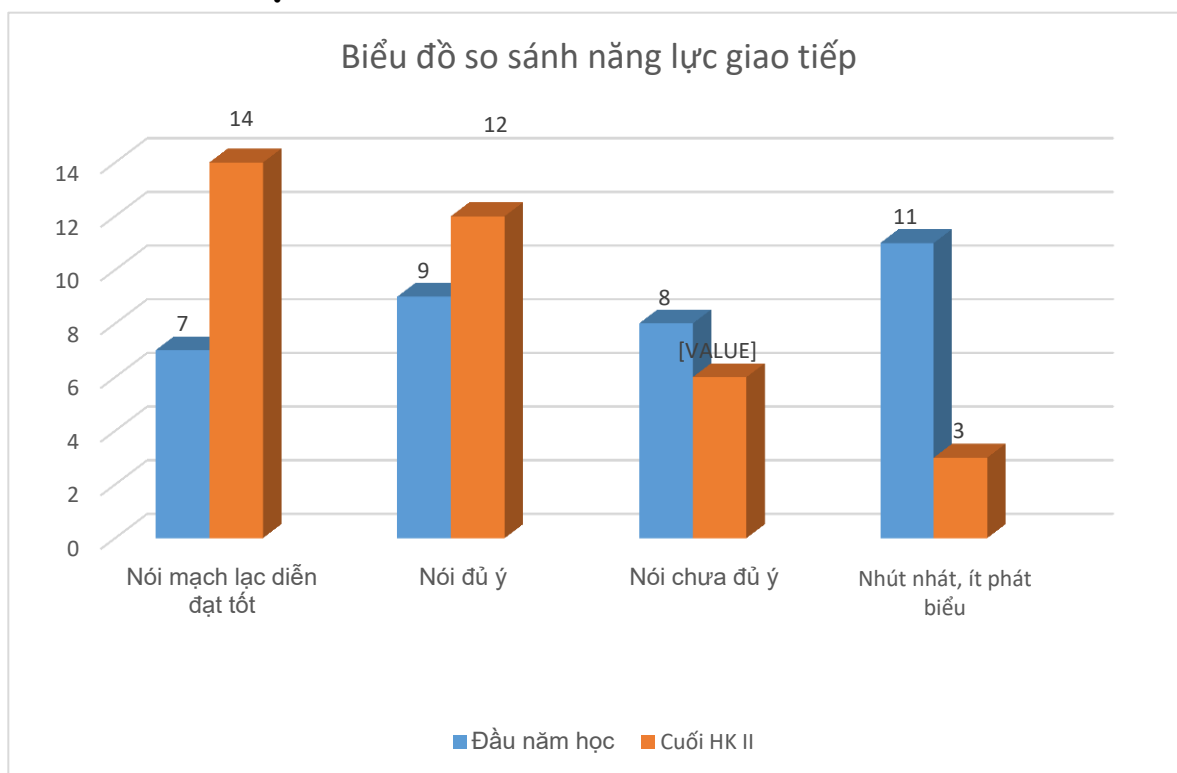
Sau đó, giáo viên chốt lại, cho học sinh làm vào vở.

Qua hoạt động đó, học sinh được rèn kỹ năng giao tiếp, phát huy tính tích cực của mình để nắm chắc kiến thức bài học.

IV. Minh chứng về hiệu quả của biện pháp:

Sau khi áp dụng các biện pháp vào trong giảng dạy tôi thu được kết quả như sau:

Sĩ số: 35 học sinh



Nếu như trước đây khi chưa áp dụng các biện pháp này học sinh còn rất nhút nhát, rụt rè, chưa biết cách giao tiếp phù hợp. Sau khi áp dụng các biện pháp nêu trên, tôi nhận thấy học sinh học tập tích cực, hứng thú, sôi nổi, hăng hái với các hoạt động học tập. So sánh kết quả đầu năm học và cuối học kỳ II, nhìn vào bảng số liệu thấy rõ số lượng học sinh nói mạch lạc diễn đạt tốt, nói đủ câu đủ ý đọc đúng ở thời điểm cuối học kỳ II đã tăng đáng kể so với thời điểm đầu năm học.

V. Hiệu quả của sáng kiến :

Trước khi áp dụng sáng kiến nhiều học sinh chưa mạnh dạn trong giao tiếp, sợ làm việc nhóm và thảo luận nhóm nên chưa thể hiện được tình đoàn kết, chưa thể hiện được tính chủ động, sáng tạo và tự chiếm lĩnh tri thức còn mang tính hình thức. Gia đình phụ huynh lo lắng, không yên tâm lao động sản xuất. Sáng kiến sau khi áp dụng đã đem lại hiệu quả rõ rệt, cụ thể như sau:

1. Hiệu quả về khoa học

Học sinh có sự sáng tạo, tự tin hợp tác, giao tiếp học hỏi lẫn nhau, tự tìm tòi chiếm lĩnh kiến thức. Các em nhút nhát sẽ tự tin hơn.

Học sinh hứng thú, vui vẻ tích cực trong học tập, tiết dạy sinh động và hiệu quả, lớp học trở nên thân thiện.

Học sinh có sự đoàn kết, sự thông cảm, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ nhau giữa các đôi tượng học sinh trong lớp.

Học sinh phát triển năng lực tư duy. Tự phát hiện tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức mới.

2. Hiệu quả về kinh tế

- Học sinh học tập tiếp thu bài tốt, làm ít sai sót không phải làm lại nhiều lần, không tốn giấy vở, bút viết, tiết kiệm tiền bạc cho gia đình , tham gia thi các cuộc thi sẽ có phần thưởng.

- Khi thấy con em mình học tập tiến bộ, phụ huynh yên tâm làm việc hơn sẽ nâng cao thu nhập kinh tế cho gia đình.

3. Hiệu quả về xã hội

- Học sinh yêu quý trường, lớp sẽ không trốn học hạn chế các tệ nạn xã hội.

- Học sinh học tập tốt, thích chia sẻ những điều mình biết với người thân.

Phụ huynh phấn khởi gia đình hòa thuận, hạnh phúc.

VI. Tính khả thi của sáng kiến :

- Từ kết quả trên đã cho thấy sáng kiến mà tôi đưa ra có hiệu quả rõ rệt.

Tuy nhiên điều quan trọng là người giáo viên phải biết lựa chọn, vận dụng các sáng kiến linh hoạt hài hòa, hợp lý thì quá trình giảng dạy sẽ đạt hiệu quả cao. Trong suốt quá trình giảng dạy môn Tiếng Việt, tôi thấy đây là biện pháp mới phù hợp với học sinh lớp 2, có thể được áp dụng rộng rãi trong các nhà trường nâng cao chất lượng dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh để đạt được mục tiêu giáo dục chương trình phổ thông mới.

VII. Thời gian thực hiện sáng kiến :

- Từ ngày 6 tháng 9 năm 2023 đến ngày 16 tháng 4 năm 2024

VIII. Kinh phí thực hiện sáng kiến :

Làm dụng cụ đóng vai, phô tô phiếu bài tập, phiếu khảo sát, in sáng kiến : 250.000 đồng

C. PHẦN THỨ BA: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với tổ chuyên môn:

Nên xây dựng, tổ chức thêm nhiều tiết chuyên đề môn Tiếng Việt để học sinh có nhiều cơ hội học tập, phát triển năng lực giao tiếp.

2. Đối với Lãnh đạo nhà trường:

Tạo điều kiện về thời gian, về cơ sở vật chất, để giáo viên và học sinh có thể học tập, nâng cao kiến thức trong và ngoài dạy học tạo cho các em những sân chơi để các em có điều kiện thể hiện năng lực giao tiếp của bản thân.

Trên đây là **“Biện pháp phát triển năng lực giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 2”** được tôi áp dụng hiệu quả cho học sinh tại lớp 2A1 Trường tiểu học Vân Hòa

Tôi xin cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền. Các biện pháp đã triển khai thực hiện và minh chứng về sự tiến bộ của học sinh là trung thực

Xác nhận của cơ quan

Vân Hòa, ngày 06 tháng 05 năm 2024

Giáo viên

Nguyễn Thị Thuận

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. SGV, SGK - Tiếng Việt 2 (Tập 1, tập 2 – Bộ sách KNTT) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2. Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt Tiểu học - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội
3. Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội
4. Giúp em học tốt Tiếng Việt 2 - Nhà xuất bản Giáo dục- Đại học Quốc gia Hà Nội
5. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA
Thứ Hai, ngày 23 tháng 10 năm 2023
TIẾNG VIỆT

Tiết 71. ĐỌC: CUỐN SÁCH CỦA EM (Tiết 1)
HỌC Ở THƯ VIỆN

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng rõ ràng một văn bản thông tin ngắn, đặc điểm của văn bản thông tin. Hiểu nội dung bài: Các đơn vị xuất bản sách thiếu nhi, cấu trúc một cuốn sách, các công đoạn để tạo ra một cuốn sách.
- HS xuống thư viện để tìm hiểu thêm một số truyện, sách báo.
- Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Biết giữ gìn sách vở gọn gàng, ngăn nắp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Máy tính, tivi để chiếu hình ảnh của bài học.
- HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của GV <u>Tiết 1</u>	Hoạt động của HS
1. Khởi động: - Cho HS xuống thư viện - HS hát bài “<i>Trang sách yêu em</i>” - tác giả Lê Vinh Phúc. - GV dẫn dắt, giới thiệu bài.	- HS xuống thư viện - HS khởi động cùng bài hát.
2. Hình thành kiến thức mới: *Hoạt động 1: Đọc văn bản. - GV đọc mẫu: ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. - Luyện đọc câu dài: <i>Tên sách/ là hàng chữ lớn ở khoảng giữa bìa sách,/ thường chứa đựng/ rất nhiều ý nghĩa.//</i> - Luyện đọc từ khó kết hợp giải nghĩa từ: <i>nhà xuất bản, mục lục.</i> - HDHS chia đoạn: (3 đoạn) + Đoạn 1: Từ đầu đến <i>viết về điều gì.</i> + Đoạn 2: Tiếp cho đến <i>phía dưới bìa sách.</i>	- Cả lớp đọc thầm. - HS đọc câu dài - Phát hiện từ khó đọc và đọc. - 2-3 HS đọc.

+ Đoạn 3: Từ *phần lớn các cuốn sách* đến hết.

- Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn (nhóm đôi).

- GV tuyên dương HS đọc tiến bộ.

***Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi**

- GV chiếu yêu cầu lên bảng

GV gọi HS đọc lần lượt 4 câu hỏi trong sgk/tr.64.

- GV HDHS trả lời từng câu hỏi .

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

- GV chốt câu trả lời đúng.

- Nhận xét, tuyên dương HS.

*** Thư viện:**

- GV chia lớp làm 4 nhóm. Giao nhiệm vụ cho các nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu 1-3 cuốn sách với nội dung sau: Tên sách, tác giả, nhà xuất bản, mục lục.

+ Nhóm 1: Tìm sách ở vị trí khu A.

+ Nhóm 2: Tìm sách ở vị trí khu B

+ Nhóm 3: Tìm sách ở vị trí khu C

+ Nhóm 4: Tìm sách ở vị trí khu D

- Nhóm em đã tìm hiểu cuốn sách nào?

- Tên những cuốn sách đó là gì?

- GV nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt, Khích lệ một số em có tiến bộ.

- HS tìm hiểu thêm tên sách, tên tác giả các cuốn sách khác trong thư viện.

4. Vận dụng, trải nghiệm:

- Hôm nay em học bài gì?

- HS chia đoạn

- HS đọc nối tiếp đoạn.

- 2-3 HS luyện đọc.

- HS lần lượt đọc các câu hỏi.

- HS chia sẻ ý kiến

- HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ chuyên về khu vực theo yêu cầu.

- HS chia sẻ một bạn hỏi, một bạn trả lời.

VD: Hỏi: Tên tác giả được đặt ở đâu?

Trả lời: Tên sách được đặt ở phía trên bìa sách.

Hỏi: Cuốn sách của bạn mang tên nhà Xuất bản nào?

Trả lời: Cuốn sách của tớ mang tên nhà Xuất bản Kim Đồng.

- HS thực hiện

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Hưởng ứng tuần lễ: “Học tập suốt đời” các con hãy chăm chỉ đọc sách. Đọc sách là cách tốt nhất giúp các con có nhiều kiến thức.- GV nhận xét giờ học.- Chuẩn bị bài sau | <ul style="list-style-type: none">- HS trả lời- HS thực hiện |
|---|---|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (Nếu có)

.....

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CỘNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: - Hội đồng Khoa học chấm sáng kiến ngành GDTH huyện Ba Vì.
- Hội đồng Khoa học xét duyệt SKKN Trường Tiểu học Vân Hòa.

Họ và tên	Ngày sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Nguyễn Thị Thuận	24/09/1979	Trường Tiểu học Vân Hòa	Giáo viên	Đại học	Biện pháp phát triển năng lực giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 2

- **Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:** Môn Tiếng Việt lớp 2

- **Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu:** 6/9/2023

- **Mô tả bản chất của sáng kiến:** Sáng kiến này đã chỉ ra được những giải pháp mới và áp dụng vào *phát triển năng lực giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 2*. Các giải pháp này đã phát huy được tính tự chủ, năng lực ngôn ngữ trong giao tiếp của tất cả các đối tượng học sinh trong lớp. Nâng cao chất lượng cho học sinh trong dạy học. Bước đầu hình thành và rèn luyện cho học sinh các kỹ năng trình bày kết quả nhận thức của mình bằng lời nói, hành động, cử chỉ,... Hình thành ở các em sự tự tin giao tiếp trước đám đông, nhờ đó các em mạnh dạn khi chia sẻ ý kiến của mình. Từ đó giúp các em mở rộng thêm vốn từ ngữ hoàn chỉnh câu nói của mình tốt hơn.

- **Những thông tin cần bảo mật:** Không

- **Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:** Để sáng kiến được áp dụng có hiệu quả, cần có sự chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu nhà trường, Tổ

chuyên môn và sự nỗ lực, sáng tạo, tình yêu nghề, yêu thương học sinh của Giáo viên.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả: Sau một thời gian áp dụng các Biện pháp phát triển năng lực giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 2 tôi đã giúp HS phát triển khả năng giao tiếp cũng như vốn từ ngữ. Nhờ đó phong trào học tập tiến bộ rất nhiều. Trong các giờ học các em tập trung rất cao, thảo luận sôi nổi, tích cực tham gia trò chơi và các em cũng ham tìm tòi đọc sách, đọc truyện. Một số em còn trở nên mạnh dạn, thường tự đưa ra thắc mắc hỏi thầy cô, bạn bè hoặc tự tìm tòi tài liệu để hỏi đồ bạn, tạo tinh thần học tập sinh động, tích cực hơn.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử nếu có: Không

- Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu: Không

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan

Vân Hòa, ngày 06 tháng 05 năm 2024

Người nộp đơn

Nguyễn Thị Thuận

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả : **Nguyễn Thị Thuận**

Tên đề tài: Biện pháp phát triển năng lực giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 2

Lĩnh vực: Giảng dạy môn Tiếng Việt

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước	

Nhận xét:
.....

2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	

Nhận xét:
.....

3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	

Nhận xét:
.....

4	Điểm trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	

Nhận xét:

Tổng cộng: **Đánh giá:** ☐ Đạt (>70 điểm) ☐ Không đạt
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
	A. PHẦN THỨ NHẤT: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I	LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI	1
II	MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	2
III	KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	2
IV	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	2
V	PHẠM VI – GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU	2
	B. PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG	2
I	CƠ SỞ LÝ LUẬN	2
II	THỰC TRẠNG	2
III	NỘI DUNG THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP	4
IV	MINH CHỨNG VỀ HIỆU QUẢ CỦA GIẢI PHÁP	15
V	HIỆU QUẢ SÁNG KIẾN	15
VI	TÍNH KHẢ THI CỦA SÁNG KIẾN	16
VII	THỜI GIAN THỰC HIỆN SÁNG KIẾN	16
VIII	KINH PHÍ THỰC HIỆN SÁNG KIẾN	16
	C. PHẦN THỨ BA: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	17